

Điền động từ thích hợp vào chỗ trống:

Fill in the blanks with the suitable verb

1. Chị _____ 8 tiếng 1 ngày. (*tiếng: hour*)
2. Tôi _____ ở Microsoft.
3. Tôi _____ phim Game of Thrones.
4. Anh không _____ bia.
5. Em _____ phở ở Hai Bà Trưng.
6. Nhiều người Việt Nam không _____ Tiếng Anh.
7. Em và mẹ _____ Mai Châu.
8. Em _____ xe máy Honda 8 triệu.
9. Tôi _____ 2 con mèo và 1 con chó.
10. Em không _____ anh có bạn gái. (*bạn gái: girlfriend*)
11. Hôm nay anh _____ gì? (*hôm nay: today*)
12. Tôi _____ có nhiều tiền.
13. Tôi _____ Tiếng Việt với TVO.